

LỰA CHỌN ĐỐI THOẠI THAY VÌ ĐỐI ĐẦU GIỮA CÁC NỀN VĂN HOÁ VÀ VĂN MINH – NHỮNG NGUYÊN TẮC CẦN GIỮ VỮNG TRONG ĐỐI THOẠI

PHẠM XUÂN NAM (*)

Trong bài viết này, tác giả đã phân tích và chỉ rõ những sai lầm trong quan điểm của Huntington (và những người đồng quan điểm) về sự đụng độ giữa các nền văn minh; đồng thời, luận chứng sự cần thiết phải tôn trọng tính đa dạng văn hoá và khẳng định xu thế chung của thế giới hiện nay là đối thoại thay vì đối đầu giữa các nền văn hoá khác nhau. Đặc biệt, tác giả đề xuất 4 nguyên tắc cơ bản trong đối thoại văn hoá. Đó là: 1/ Thừa nhận sự bình đẳng giữa các nền văn hoá; 2/ Tôn trọng lẫn nhau; 3/ Khoan dung và 4/ “Câu đồng, tồn dị”.

1. Trong bối cảnh xu thế toàn cầu hoá ngày càng gia tăng, sự ảnh hưởng lẫn nhau của các nền văn hoá đang lan rộng rất nhanh và vượt ra ngoài biên giới các quốc gia riêng rẽ. Vì thế, hiện nay, như nhận xét của Tổng Giám đốc UNESCO Koichiro Matsuura, “càng cần thiết hơn bao giờ hết phải tiến hành và phát triển một cuộc đối thoại ở tầm quốc tế. Nhịp độ chóng mặt của toàn cầu hoá và cách mạng thông tin, tạo ra khả năng chưa từng có cho những cuộc gặp gỡ giữa các nền văn hoá và các cá nhân. Toàn cầu hoá có lợi cho tất cả chúng ta với điều kiện nó phát triển trên cơ sở đối thoại phối hợp hành động và trao đổi”(1).

Tuy nhiên, đối lập với quan điểm trên, từ hơn chục năm nay, trên thế giới người ta đã bàn tán xôn xao xung quanh một “luận thuyết” gây sốc về sự đụng độ không tránh khỏi giữa các nền văn hoá và văn minh. Đề xướng “luận thuyết” này là Samuel Huntington, người mà tiếng tăm đã lan truyền hầu như khắp thế giới kể từ khi ông ta công bố tiểu luận *Sự đụng độ giữa các nền văn minh* trên Tạp chí Foreign Affairs mùa hè năm 1993.

Huntington cho rằng, những kiến giải của Francis Fukuyama và những người đồng quan điểm về sự tận cùng của lịch sử, sự phổ quát hoá các xã hội hiện đại theo kiểu phương Tây và chủ nghĩa toàn cầu là vội vã. Theo Huntington, ở thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, “nguồn gốc cơ bản của các xung đột trên thế giới này sẽ không còn là hệ tư tưởng hay kinh tế nữa. Các ranh giới quan trọng nhất chia rẽ loài người và nguồn gốc bao trùm của các xung đột sẽ là văn hoá... Sự đụng độ giữa các nền văn minh sẽ trở thành nhân tố chi phối chính trị thế giới. Ranh giới giữa các nền văn minh sẽ là chiến tuyến tương lai”(2).

Với quan niệm văn minh là một cộng đồng văn hoá cao nhất, là trình độ cao nhất của tính đồng nhất văn hoá, trong đó tôn giáo được xem như yếu tố căn bản và chủ

(*) Giáo sư, tiến sĩ.

(1) Koichiro Matsuura. *Vai trò UNESCO trong thế kỷ XXI*. Nxb Khoa học xã hội, Hiệp hội Câu lạc bộ UNESCO Việt Nam, Hà Nội, 2005, tr.579.

(2) Samuel Huntington. *Sự đụng độ giữa các nền văn minh? (The clash of Civilizations?)* do Nguyễn Như Diệm dịch. In trong tập chuyên đề Thông tin khoa học xã hội, số 1, 1995, tr.8.

đạo, Huntington phân chia thế giới hiện nay là 7 hay 8 nền văn minh lớn: phương Tây, Nho giáo, Nhật Bản, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Slave Đông chính giáo, Mỹ Latinh và có thể cả châu Phi nữa. Ông đưa ra sáu lý do để giải thích tại sao các nền văn minh *không tránh khỏi đụng độ với nhau*. Trong đó, lý do cốt lõi nhất là, một phương Tây đứng ở đỉnh cao quyền lực của mình đối đầu với các nước phi phương Tây ngày càng có mong muốn, quyết tâm và nguồn lực để hình thành thế giới theo mô hình phương Tây.

Như vậy, Huntington thừa nhận sự đa dạng về văn hoá, văn minh trong thế giới hậu chiến tranh lạnh, tức trong giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay. Nhưng ông lại xem chính sự đa dạng văn hoá ấy là nguyên nhân dẫn đến xung đột giữa các nền văn minh, mà trước hết là giữa văn minh phương Tây dựa trên Cơ đốc giáo với văn minh Hồi giáo và Nho giáo. Theo ông, khối Nho giáo – Hồi giáo đã hình thành như là “sự thách thức với các lợi ích, giá trị và sức mạnh của phương Tây”(3). Vì thế, “trong tương lai gần, các lò lửa xung đột chủ yếu sẽ là quan hệ qua lại giữa phương Tây và một loạt nước Hồi giáo – Nho giáo”(4).

Sai lầm cơ bản nhất của Huntington là ở chỗ, ông ta đã “bỏ chung vào một rọ” một thiếu số thế lực tôn giáo cuồng tín, cực đoan với đại đa số tín đồ chân chính của mọi tôn giáo (kể cả Hồi giáo) mà bản chất của họ là hướng thiện và khoan dung. Hơn nữa, Huntington còn không thấy được hoặc không dám chỉ ra những kẻ gây chiến và xâm lược từ xưa đến nay – từ cuộc Thập tự chinh thế kỷ XI – XIII đến cuộc chiến tranh ở Irắc hiện nay - đều theo đuổi các mục tiêu kinh tế, chính trị là chủ yếu, chứ không hẳn là chỉ do sự khác biệt về văn hoá dẫn đến xung đột giữa các nền văn minh.

Theo Huntington và những người đồng quan điểm, cuộc chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất chính là cuộc đụng độ đầu tiên giữa nền văn minh phương Tây và văn minh Hồi giáo thời hậu chiến tranh lạnh. Sự thật như thế nào? Sau đây là điều mà Tổng thống Mỹ George Bush (Bush cha) đã nói về động cơ và mục tiêu của Hoa Kỳ khi phát động cuộc chiến tranh ấy: “Công ăn việc làm của chúng ta, lối sống của chúng ta, nền tự do của chúng ta và của các nước bạn bè trên thế giới có thể gặp khó khăn, nếu quyền kiểm soát mỏ dầu lớn nhất lại rơi vào tay Saddam Hussein”(5). Rõ ràng, cái gọi là “sự đụng độ giữa các nền văn minh” chỉ là một màn khói tung ra để làm mờ đi mưu toan của chính quyền Bush muốn chiếm đoạt lợi thế địa - kinh tế tại vùng có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất thế giới mà thôi.

Nhưng khác với quan điểm của Huntington và Bush, trong chuyến thăm Gioócdani tháng 10 – 1994, Bill Clinton – vị Tổng thống thứ 42 của Hoa Kỳ - đã tuyên bố: “Nước Mỹ bác bỏ ý kiến cho rằng các nền văn minh của chúng ta phải đối đầu nhau. Mỗi nguy hiểm không phải là đạo Hồi, mà là chủ nghĩa cực đoan chính trị, sử dụng cái tên đạo Hồi”(6).

Vì bị chỉ trích mạnh mẽ về nhiều luận điểm vô đoán, cường điệu, nhất là luận điểm về sự đụng độ không tránh khỏi giữa các nền văn minh, năm 1996, Huntington đã cho xuất bản cuốn sách *Sự đụng độ giữa*

(3) S.Huntington. *Sdd.*, tr.25.

(4) S.Huntington. *Sdd.*, tr.27.

(5) Dẫn theo: Mandi Elmandjra. *Diversité culturelle: une question de survie*. Tạp chí Futuribles, Octobre 1996. Bản tiếng Việt *Tinh đa dạng văn hoá: một vấn đề sống còn* do Nguyễn Đức Thượng dịch. Tài liệu phục vụ nghiên cứu của Viện Thông tin khoa học xã hội, số TN97 – 55, Hà Nội, 1997, tr.6.

(6) Thông tấn xã Việt Nam. *Hồi giáo và chủ nghĩa khủng bố*, Hà Nội, 2004, tr.6.

các nền văn minh và sự lặp lại trật tự thế giới(7). Trong cuốn sách này, Huntington đã phân nào “mềm hoá” một số nhận định phiến diện trước đây. Nhưng về cơ bản, ông ta vẫn bám lấy tư tưởng cốt lõi đã được nêu ra trong tiểu luận viết năm 1993.

2. Có những dấu hiệu chứng tỏ, từ sau sự kiện ngày 11 – 9 – 2001, chủ trương chiến lược quân sự và đối ngoại của chính quyền mới ở Mỹ đã ít nhiều chịu ảnh hưởng của thuyết “đụng độ giữa các nền văn minh” do Huntington đưa ra.

Ngày 13 – 9 – 2001, Tổng thống George W. Bush tuyên bố nước Mỹ sẽ tiến hành “một cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa khủng bố”, trước hết nhằm vào tổ chức Al-Qaeda và phe Taliban ở Ápganixtan, mà sau đấy có lúc ông ta còn ví von đó là “cuộc thập tự chinh”(8) trong thế kỷ này.

Lời nói trên của ông Bush lập tức bị một giáo sư chuyên nghiên cứu tôn giáo của Trường Đại học Virginia phê phán là “khinh xuất”, vì nó chỉ có tác dụng khơi sâu thêm mối hận thù giữa Hồi giáo và Thiên Chúa giáo, gọi cho người ta nhớ lại lịch sử đẫm máu của cuộc Thập tự chinh (1096 – 1270). Một giáo sư khác của Trường Đại học John Hopkine cũng nhắc nhở nhà cầm quyền Mỹ và các đồng minh phương Tây phải hết sức thận trọng trong phát ngôn, không được đưa ra những lời nói ám chỉ rằng đang có cuộc xung đột giữa các nền văn minh, đặc biệt là giữa phương Tây và thế giới Hồi giáo: “Nếu chúng ta – những người phương Tây – nói rằng chúng ta đang có chiến tranh với người Hồi giáo, thì chúng ta sẽ thật sự lâm trận với người Hồi giáo. Một tuyên bố như vậy sẽ là lời tiên tri tự khắc chuyển thành hiện thực”(9).

Trước những lời cảnh báo đó, ông Bush đã hơn một lần cải chính: “Không hề có xung đột giữa các nền văn minh”(10).

Tuy vậy, trong *Chiến lược an ninh quốc gia của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ* công bố ngày 20 – 9 – 2002 vẫn còn những lời lẽ hàm ý rằng, nếu trong thế kỷ XX đã diễn ra “cuộc đấu tranh gay gắt về hệ tư tưởng” giữa hai khối xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, thì giờ đây Hoa Kỳ lại đang tiến hành cuộc chiến tranh của “tự do và công lý” chống lại “tội ác”(11), do một số quốc gia (vốn thuộc nền văn minh Hồi giáo và Nho giáo, như cách phân loại của Huntington) mà ông Bush gán cho là hậu thuẫn chủ nghĩa khủng bố, gây ra! Xét về thực chất, đây cũng là một cách ám chỉ về sự xung đột giữa các nền văn minh.

Giữa tháng 4 – 2002, tức là chỉ mấy tháng sau khi ông Bush tuyên bố Irắc, Iran, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên là ba nước nằm trong “trục ma quỷ”, khởi đầu cho chiến dịch tuyên truyền kích động dư luận để tiến tới gây ra chiến tranh Irắc, 120 giáo sư đại học, nhà văn và nhà báo Mỹ đã cùng ký tên vào một bức thư ngỏ nhan đề *Thư của các công dân Mỹ gửi những người bạn châu Âu*. Bức thư có đoạn viết: “Từ ngày 11 – 9, Hoa Kỳ cảm thấy bị tấn công. Do đó, chính quyền của họ tự coi

(7) Samuel Huntington. Sự va chạm giữa các nền văn minh (*The Clash of Civilizations and the remaking of World order*). Các dịch giả đã dùng thuật ngữ “va chạm” để dịch từ “clash” và lược đi về thứ hai của tên sách. Nhưng chúng tôi vẫn muốn dùng thuật ngữ “đụng độ” mà Tạp chí Thông tin khoa học xã hội đã dịch trước đó, đồng thời dịch đủ toàn bộ tên sách trong nguyên tác.

(8) Dẫn theo: Tài liệu của Vụ Văn hoá - UNESCO. Bộ Ngoại giao. *Đối thoại giữa các nền văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá và tác động tới quan hệ quốc tế*. Hà Nội, 2003 – 2004, tr. 57.

(9) *Sđđ.*, tr.57.

(10) Dẫn theo: Hồ Sĩ Quý. *Về giá trị và các giá trị châu Á*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.12.

(11) US Department State. *The National Security Strategy of the United States of America*. Bản dịch tiếng Việt của Tạp chí Châu Mỹ ngày nay, số 10 và 11 năm 2002.

mình có quyền “tự vệ” cho phép họ tiến hành chiến tranh như họ mong muốn, chống lại bất cứ nước nào mà họ chỉ định là kẻ thù, dù không có bằng chứng phạm tội và không có cơ sở pháp lý... Đó chẳng qua là quyền của kẻ mạnh, là luật rừng mà thôi... Trên thực tế, những cuộc chiến tranh của Bush rõ ràng là nhằm mục đích bảo vệ và tăng cường quyền lực của Hoa Kỳ ở nước ngoài”; đồng thời, nhấn mạnh rằng, “Các nhà trí thức ngày nay đứng trước một sự lựa chọn quyết định: hoặc là gia nhập đội ngũ những kẻ đang ca tụng bạo lực tàn nhẫn và bằng cách kết nối nó, thông qua một thủ đoạn hùng biện khôn khéo, với những “giá trị tinh thần”; hoặc là đảm nhận một nhiệm vụ khó khăn hơn là tố cáo sự điên rồ và ngạo mạn của quyền lực thống trị để cùng với toàn thể loài người thiết lập một cuộc đối thoại hợp lý (T.G. nhấn mạnh – P.X.N) và những quan hệ kinh tế mới công bằng hơn vì một nền công lý thực sự”(12).

Rõ ràng, trừ một số thế lực bảo thủ trong giới cầm quyền Washington, số đông học giả với tất cả những chính khách Mỹ có đầu óc tỉnh táo đã nhận thức được sự nguy hiểm của việc đặt các nền văn hoá và văn minh khác vào thế đối lập với nền văn minh phương Tây.

3. Vượt trước những học giả và chính khách Mỹ kể trên khá lâu, đồng thời với một nhãn quan toàn diện và sâu sắc hơn nhiều, ngay từ cuối năm 2000, UNESCO đã yêu cầu tất cả các quốc gia thành viên tham gia xây dựng bản dự thảo *Tuyên bố toàn cầu của UNESCO về đa dạng văn hoá*. Và bản *Tuyên bố* đó đã được Đại hội đồng UNESCO lần thứ 31 nhất trí thông qua trong phiên họp ngày 2 – 11 – 2001.

Đại diện cho lương tri của hầu hết các cộng đồng quốc gia dân tộc trên thế giới

ngày nay, bản *Tuyên bố* viết: “Đại hội đồng khẳng định rằng, tôn trọng sự đa dạng văn hoá, lòng khoan dung, đối thoại và hợp tác trong bầu không khí hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau là một trong những bảo đảm tốt nhất cho hoà bình và an ninh quốc tế; rằng, quá trình toàn cầu hoá được thúc đẩy bởi sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông mới, tuy là một thách thức đối với đa dạng văn hoá nhưng cũng đồng thời tạo ra các điều kiện nhằm tiếp tục sự đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh”(13).

Phát biểu tại Đại hội đồng, cựu Tổng thống Pháp Jacques Chirac cho rằng, “Với thảm kịch ngày 11 – 9 vừa qua, quả thật cách nhìn không tưởng về thiên niên kỷ mới, coi nó là sự tận cùng của lịch sử, đã bị lay chuyển đến tận cốt lõi... Chúng ta còn ngày càng nghe nói đến sự đụng độ giữa các nền văn minh. Điều này, như nó được quả quyết sẽ là đặc trưng của thế kỷ XXI, cũng như thế kỷ XIX đã chứng kiến sự xung đột giữa các dân tộc và thế kỷ XX đã chứng kiến sự xung đột giữa các hệ tư tưởng... Trước hết, điều quan trọng là phải chống lại luận điệu đó bằng một thực tế khác về chính trị, đạo đức, văn hoá, một ý chí khác: ý chí tôn trọng, ý chí trao đổi, ý chí đối thoại giữa tất cả các nền văn hoá, một ý chí không tách rời sự khẳng định rõ ràng và không nhân nhượng về những giá trị làm cho chúng ta trở thành chúng ta hiện nay”(14).

(12) *Thư ngỏ của những công dân Mỹ gửi các người bạn châu Âu*. Bản tiếng Việt do Trọng Hùng dịch. Báo Văn nghệ số ra ngày 1 – 6 – 2002.

(13) *UNESCO Universal Declaration on Cultural Diversity*. Paris, 2 Novembre 2001.

(14) *Allocution de Mr. Jacques Chirac. Président de la République Française à la 31^e session de la Conférence générale de l'UNESCO*. Paris, 15 Octobre 2001.

LỰA CHỌN ĐỐI THOẠI THAY VÌ ĐỐI ĐẦU...

Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ năm (ASEM 5) tổ chức tại Hà Nội (10 - 2004) đã nhất trí thông qua *Tuyên bố ASEM về đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh*. Bản *Tuyên bố* có đoạn viết: “Trong bối cảnh xu thế toàn cầu hoá ngày càng tăng, chúng ta đang chứng kiến một thế giới trở nên cởi mở hơn, gắn kết với nhau hơn... Tuy nhiên, chủ nghĩa khủng bố quốc tế, việc phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt, sự lan rộng của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, sự không khoan dung về sắc tộc và tôn giáo đang trở thành những mối đe dọa cấp thiết đối với cộng đồng quốc tế trong công cuộc xây dựng một thế giới hoà hợp và hoà bình. Trước những thách thức này, cộng đồng quốc tế hơn bao giờ hết cần cùng xác định những biện pháp đối phó. Điều này đòi hỏi phải có một cuộc đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Cuộc đối thoại này sẽ góp phần vào việc ngăn chặn những cuộc xung đột tiềm tàng, thúc đẩy sự phát triển chung và đưa tính nhân văn vào quá trình toàn cầu hoá đem lại lợi ích cho tất cả mọi người”(15).

Là nước chủ nhà của ASEM 5, Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình soạn thảo và thông qua *Tuyên bố* trên.

4. Nhưng để biến cả tinh thần và lời văn của *Tuyên bố* đó thành hiện thực sinh động trong cuộc sống, thì đối thoại giữa các nền văn hoá ngày nay, trong đó có đối thoại giữa văn hoá Việt Nam với các nền văn hoá khác trong khuôn khổ liên châu lục Á - Âu cũng như trên phạm vi toàn thế giới, cần dựa vững trên những nguyên tắc nào?

Theo chúng tôi, có bốn nguyên tắc cơ bản:

4.1. Nguyên tắc thứ nhất là thừa nhận tất cả các nền văn hoá đều bình đẳng về

phẩm giá và đều có thiên chức thâm nhập vào nhau, làm phong phú cho nhau.

Đây là điều mà toàn bộ lịch sử phát triển khoa học, văn hoá và nghệ thuật của nhân loại đã đem lại.

Có một thời gian khá dài trước đây, chủ nghĩa lấy châu Âu làm trung tâm (Eurocontrisme) từng cho rằng, tất cả những gì tốt đẹp nhất, cao cả nhất, tiến bộ nhất về khoa học, kỹ thuật, y học, triết học, đạo đức học, văn học, nghệ thuật... đều phát triển trước tiên ở châu Âu và phương Tây nói chung. Nhưng đến khi có điều kiện tiếp xúc và đi sâu tìm hiểu các nền văn hoá khác trên thế giới, nhiều học giả có đầu óc khách quan ở châu Âu mới nhận ra rằng, chính phương Đông đã đem lại cho phương Tây nhiều sáng tạo văn hoá lớn của nó từ rất lâu đời.

Theo học giả Pháp Lévi - Strauss, thật là vô lý khi “những ai tuyên bố rằng, nền văn hoá này cao hơn nền văn hoá kia”. Bởi thực tế cho thấy, “không một nền văn hoá nào đứng riêng một mình cả; bao giờ nó cũng liên kết với những nền văn hoá khác và điều đó cho phép nó dựng lên những chuỗi lũy tích”(16), tức là tích hợp các giá trị - cả nội sinh và ngoại sinh - trong tiến trình phát triển của mỗi nền văn hoá.

Chúng ta hãy tưởng tượng, số học và toán học hiện đại nói chung của loài người (kể cả các hệ điều hành kỹ thuật số của công nghệ thông tin ngày nay) sẽ ra sao nếu không có sự phát hiện ra con số 0 của các nhà trí thức Ấn Độ từ thời cổ đại để rồi sau đó truyền sang châu Âu qua người Ả-rập? Tương tự như vậy, chỉ có sự du nhập

(15) *Tuyên bố ASEM về đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh*. Báo Nhân dân số ra ngày 11 - 10 - 2004.

(16) Lévi - Strauss. *Chinh tặc và lịch sử*. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996, tr.80.

từ Trung Quốc những phát minh rất quan trọng đối với nghề hàng hải, như bánh lái, la bàn, buồm nhiều lớp... thì những cuộc phát kiến địa lý vĩ đại của châu Âu mới có thể diễn ra vào thế kỷ XV. Mà chính những phát kiến này, trên thực tế, đã trở thành một trong những nhân tố cực kỳ quan trọng thúc đẩy sự ra đời và bành trướng của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

Đến lượt nó, chủ nghĩa tư bản, trong quá trình phát triển từ ba – bốn thế kỷ nay, đã tạo ra những bước tiến khổng lồ về khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, âm nhạc và điện ảnh, kiến trúc và điêu khắc, bảo tàng và du lịch... trên quy mô thế giới, dẫn đến sự chuyển biến từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp với những mức độ khác nhau tại đa số nước ở khắp năm châu. Và ngày nay, nhiều nước lại đang tiếp tục chuyển từ văn minh công nghiệp lên văn minh hậu công nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu lớn lao không thể phủ nhận, mấy trăm năm phát triển của nền văn minh công nghiệp cũng đã và đang làm cho tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm, khí hậu trái đất nóng lên, kéo theo những thảm hoạ sinh thái chưa thể lường hết được.

Trước tình hình ấy, ngày càng có thêm nhiều nhà khoa học trên thế giới nhận ra tính phiến diện của triết lý “*Con người chinh phục và thống trị thiên nhiên*” mà chủ nghĩa duy lý phương Tây đề cao từ thế kỷ XVII. Họ cho rằng, đã đến lúc nhân loại cần trở về với triết lý “*Con người sống hài hoà với thiên nhiên*” của phương Đông.

Trong công trình *Trái đất – Tổ quốc chung. Tuyên ngôn cho thiên niên kỷ mới*, nhà xã hội học và nhân học nổi tiếng người Pháp là Edgar Morin và đồng nghiệp cũng đi đến *quan điểm tương tự* khi cho rằng, trái đất không phải là khách thể xa lạ của

con người, (càng không phải là đối tượng thống trị của con người – P.X.N.). Chúng ta phải bảo toàn trái đất, phải cứu lấy trái đất trong cơn đa khủng hoảng... Chúng ta cùng chia sẻ với trái đất một vận mệnh chung, sống và chết. Phải cùng nhau thực hiện việc văn minh hoá trái đất, làm cho loài người trở thành có tình người⁽¹⁷⁾.

Như vậy, điều mà Rudyard Kipling (1865 – 1936) dự đoán cách đây hơn một thế kỷ: “Ôi! Đông là Đông, Tây là Tây, hai bên không bao giờ gặp nhau”⁽¹⁸⁾ đã không hề được thực tế chứng minh. Phương Đông và phương Tây, châu Âu và châu Á có thể và cần phải học hỏi lẫn nhau, bổ sung cho nhau.

Đương nhiên, các nền văn hoá trên thế giới không phát triển cùng một nhịp độ như nhau. Chúng đã trải qua lúc thịnh lúc suy, những thời kỳ phát triển rực rỡ và những thời kỳ trì trệ, suy thoái. Mặc dù thế, vào những thời kỳ phát triển đi lên của mình, mỗi nền văn hoá đều đã cống hiến cho nhân loại những giá trị đáng trân trọng. Từ đó, ta có thể khẳng định, mọi chủ nghĩa biệt lập về văn hoá cũng như mọi thái độ ngạo mạn về văn hoá (và văn minh) – tức thái độ xem những giá trị, những chuẩn mực chỉ của một bộ phận nào đấy của loài người là có tính “phổ quát” và là “kiểu mẫu” cho các nền văn hoá khác nơi theo – đều là phi thực tế và phản khoa học.

Vì thế, bình đẳng là nguyên tắc quan trọng nhất của mọi cuộc đối thoại thực sự giữa các nền văn hoá. Nói cách khác, trong đối thoại giữa các nền văn hoá theo đúng ý

(17) Edgar Morin, Anne Brigitte Kern. *Trái đất – Tổ quốc chung. Tuyên ngôn cho thiên niên kỷ mới*. Bản tiếng Việt do Chu Tiến Anh dịch. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002. Xem bài giới thiệu của Phạm Khiêm Ích trên Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 1, 2003, tr.40.

(18) Dẫn theo: Hữu Ngọc. *Phác thảo chân dung văn hoá Pháp*. Nxb Thế giới, Hà Nội, 1997, tr.20.

nghĩa tốt đẹp của điều này, không bên nào được quyền xem bên kia đứng thấp hơn mình về phẩm giá.

4.2. *Nguyên tắc thứ hai trong đối thoại giữa các nền văn hoá là nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau.*

Sự tôn trọng lẫn nhau trong đối thoại giữa các nền văn hoá trước hết đòi hỏi chúng ta phải có lòng tự trọng, phải vững tin vào những giá trị văn hoá của dân tộc mình, đất nước mình. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể kiến lập một sự đối thoại phong phú và xây dựng với các cộng đồng văn hoá khác.

Chúng ta có quyền tự hào về dân tộc mình – một dân tộc đã có mấy ngàn năm văn hiến, từng nêu cao chân lý *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* và đã góp phần xứng đáng vào việc xoá đi một vết nhơ trong lịch sử tiến hoá của nền văn minh nhân loại là chủ nghĩa thực dân. Và ngày nay, dân tộc ấy đang gửi một thông điệp tới nhân dân tất cả các nước trên thế giới: *Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.*

Tuy vậy, tự trọng và tự tin hoàn toàn không có nghĩa là tự kiêu, tự đại để đi đến chỗ coi thường, thậm chí phủ nhận những giá trị đích thực của các nền văn hoá khác. Cả hai thái độ cực đoan ấy – tự ti dân tộc và tự kiêu dân tộc – đều xa lạ với niềm tự hào chính đáng và sự khiêm nhường. Mà đó mới chính là những thái độ cần thiết để chúng ta thấy rõ những giá trị văn hoá nào của dân tộc mình có thể đưa ra chia sẻ với dân tộc khác và cả những giá trị văn hoá nào cần học hỏi, tiếp thu từ bên ngoài để bổ sung cho sự thiếu hụt của bản thân trong quá trình xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh.

4.3. *Nguyên tắc thứ ba cần vận dụng trong đối thoại giữa các nền văn hoá là nguyên tắc khoan dung.*

Trong bối cảnh thế giới ngày nay, khi xung đột sắc tộc, dân tộc, tôn giáo... đã và đang tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi, thì một sự cam kết mạnh mẽ với khoan dung có ý nghĩa sống còn đối với việc xây dựng một thế giới hoà hợp và hoà bình.

Theo nghĩa thông thường, khoan dung được hiểu là khoan hoà, bao dung, độ lượng... Còn xét từ góc độ đa dạng văn hoá và đối thoại giữa các nền văn hoá, thì khoan dung có nghĩa là biết tự khẳng định mình, đồng thời biết thừa nhận sự khác biệt ngoài mình về sắc tộc, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, đạo lý, thị hiếu, thẩm mỹ, lối sống...

Thái độ ấy không những cần thiết để thực hiện cùng chung sống trong hoà bình, mà quan trọng hơn còn để các cộng đồng văn hoá khác nhau trao đổi, học hỏi, tiếp thu những cái hay, cái đẹp của nhau, qua đó nâng cao khả năng của mình trong quá trình sáng tạo ra những giá trị văn hoá mới.

Nhưng lòng khoan dung dù có rộng rãi và có tác dụng to lớn đến đâu cũng không thể là vô hạn độ. Người Việt Nam có câu: *lành với bụt chứ ai lành với ma*. Hàm nghĩa của câu ngạn ngữ này thật rõ ràng. Vận dụng hàm nghĩa ấy vào vấn đề đang được bàn tới, ta có thể nói: không thể nhất loạt thực hiện khoan dung với mọi đối tượng. Đối với một số đối tượng nào đó, nhiều khi tình thế đòi hỏi phải thi hành cả sự bất khoan dung.

Cuộc chiến đấu thắng lợi của nhân dân ta và của nhân dân hơn 100 nước thuộc địa khác trong những thập niên sau Chiến tranh thế giới thứ hai chống chủ nghĩa

thực dân, chủ nghĩa đế quốc chính là một sự bất khoan dung cần thiết đối với các thế lực bạo tàn để cho tinh thần hoà bình, bác ái và lòng khoan dung chân chính có điều kiện nảy nở và được thực hiện đối với hàng triệu triệu người lương thiện.

Như vậy, đối với nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân nhiều nước khác, thước đo của khoan dung chân chính trong tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hoá ở những thời kỳ trước đây và cả thời kỳ hiện nay đều phải là *độc lập và chủ quyền quốc gia, tự do và hạnh phúc của đồng bào, hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc*. Xa rời, vi phạm thước đo ấy thì sẽ rơi vào một thứ khoan dung tiêu cực, lẫn lộn phải trái, đảo ngược trắng đen, không thể chấp nhận.

4.4. *Nguyên tắc thứ tư cần tuân theo trong đối thoại giữa các nền văn hoá là “cầu đồng, tồn dị”.*

Xét về thực chất, nguyên tắc này bắt nguồn từ nhận thức về mối quan hệ giữa những cái chung nhân loại và cái riêng dân tộc trong tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hoá. Điều đáng chú ý là, trong bối cảnh thế giới ngày nay, làn sóng toàn cầu hoá về kinh tế đang tràn đến mọi hang cùng ngõ hẻm của hành tinh này. Nhưng nó không thể dẫn đến đồng nhất hoá văn hoá toàn cầu.

Thái độ ứng xử thực tế và khôn ngoan trong thế giới đa dạng này là tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa các nền văn hoá trên nguyên tắc “cầu đồng, tồn dị”.

Trước hết, “cầu đồng, tồn dị” trong đối thoại giữa các nền văn hoá là tìm ra những cái chung, những điểm tương đồng làm chỗ dựa cho sự xích lại gần nhau giữa các nền văn hoá đa dạng. Những điểm chung, tương đồng đó là nguyện vọng tha thiết về

hoà bình giữa các dân tộc; là lòng mong muốn ngăn chặn những thảm hoạ có thể đến với loài người, như sự lây lan những dịch bệnh hiểm nghèo, những hành vi tội ác của các tổ chức khủng bố; là quyết tâm tạo ra sự chuyển biến thật sự trong việc bảo vệ môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững của các thế hệ hôm nay và mai sau; là ước mơ tiếp tục đạt đến những thành tựu mới về khoa học – công nghệ và đem những thành tựu đó phục vụ cuộc sống của con người.

“Cầu đồng, tồn dị” trong đối thoại liên văn hoá còn có mục đích phát hiện những điểm đặc thù về giá trị quan giữa dân tộc này với dân tộc khác. Nhưng những điểm đặc thù ấy tự chúng không làm cho các nền văn hoá xa cách nhau, thành kiến với nhau, thậm chí đụng độ với nhau, như Huntington đã chứng minh. Trái lại, “cầu đồng, tồn dị” khuyến khích các nền văn hoá khác nhau học cách cùng tồn tại và cùng góp phần vào việc thúc đẩy nền văn minh nhân loại tiến về phía trước.

Điều có ý nghĩa then chốt hơn cả của “cầu đồng, tồn dị” là trên cơ sở khám phá những giá trị chung cũng như những giá trị đặc thù thông qua đối thoại, các nền văn hoá sẽ thực hiện sự tương tác – chia sẻ – thấu hoá lẫn nhau theo hướng làm cho nhau cùng trở nên phong phú hơn, trong khi mỗi nền văn hoá vẫn giữ được bản sắc của mình.

Làm được như vậy, thì nền văn hoá nhân loại sẽ là một vườn hoa trăm sắc ngàn hương, trong đó mỗi nền văn hoá dân tộc đều có phần đóng góp những giá trị ưu tú nhất của mình, đồng thời lại được hưởng những tinh hoa của các nền văn hoá khác. □